

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2025/HNGĐ-ST

Ngày 20-11-2025

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8, TỈNH QUẢNG TRỊ**

Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Yến;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Thoa.

Ông Lê Anh Dũng.

Thư ký phiên Tòa: Ông Trương Hồng Quang - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8, tỉnh Quảng Trị.

Ngày 20 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 157/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2025 về việc “*Ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2025, giữa:

- **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1971.

Trú tại: Khu phố A H, phường B H, tỉnh Đ N, *vắng mặt*.

- **Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1979.

Trú tại: Thôn 2, xã G L, tỉnh Q T, *vắng mặt*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/9/2025, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Văn Tân trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H đăng ký kết hôn tại UBND xã H A, thành phố B H (Nay là phường B H), tỉnh Đ N ngày 15/7/1999. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp nhau, quan điểm sống khác nhau, mất lòng tin vợ chồng, cuộc sống không còn hạnh phúc, chị Nguyễn Thị H đã về quê ở tỉnh QT sinh sống từ năm 2007, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay, anh Nguyễn Văn T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh Nguyễn Văn T có nguyện vọng xin ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: Có một con chung tên là Nguyễn Hòa L, sinh năm 1999, đã thành niên nên anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong bản khai ngày 30/10/2025, bị đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn tại UBND xã H A, thành phố B

H (Nay là phường B H), tỉnh Đồng Nai ngày 15/7/1999. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, năm 2007 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp nhau, quan điểm sống của mỗi người khác nhau, vợ chồng mất lòng tin ở nhau, cuộc sống không còn hạnh phúc, kể từ thời gian đó, chị Nguyễn Thị H đã về quê ở tỉnh Quảng Trị sinh sống, vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau. Nay, anh Nguyễn Văn T viết đơn xin ly hôn, chị Nguyễn Thị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Nguyễn Thị H đồng ý ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Có một con chung tên là Nguyễn Hòa L, sinh năm 1999, đã thành niên nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Xem xét việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T và bị đơn chị Nguyễn Thị H đã được triệu tập hợp lệ và có đơn đề nghị **xét** xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Tân, chị H.

[1.2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Năm 1999, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T và bị đơn chị Nguyễn Thị H đăng ký kết hôn tại UBND xã H A, thành phố B H (Nay là phường B H), tỉnh Đ N. Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Nguyễn Thị H nên Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ pháp luật “*Tranh chấp về Ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3]. Về thẩm quyền giải quyết: Do bị đơn chị Nguyễn Thị H có địa chỉ cư trú tại xã G L tỉnh Q T nên vụ án tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8, tỉnh Quảng Trị theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 (Luật sửa đổi bổ sung “Điều 35 Thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực” quy định tại Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025), điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H đăng ký kết hôn tại UBND xã H A, thành phố B H (Nay là phường B H), tỉnh Đ N. Theo anh T và chị H trình bày: Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể khắc phục được, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống khác nhau, vợ chồng mất lòng tin lẫn nhau, cuộc sống không còn hạnh phúc. Chị H đã về quê ở tỉnh Quảng Trị sinh sống từ năm 2007, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Quá trình ly thân hai bên không còn tình cảm nên anh T, chị H đều yêu cầu được ly hôn. HĐXX thấy, tình cảm vợ chồng giữa anh Tân, H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên có cơ sở cho anh T được ly hôn chị H.

[2.2]. Về con chung Anh T, chị H có 01 con chung tên là Nguyễn Hòa L, sinh

năm 1999, đã thành niên nên anh T, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Anh Nguyễn Văn T thuận chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 (Luật sửa đổi bổ sung “Điều 35 Thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực” quy định tại Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025); điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238, Điều 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 53; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án năm 2016:

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: Đã thành niên nên anh T, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0000915 ngày 16/10/2025 của Phòng thi hành án Dân sự Khu vực 8 Quảng Trị. Anh Nguyễn Văn T đã nộp đủ tiền án phí DSST.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết

Nơi nhận:

- TAT Quảng Trị;
- VKSND Khu vực 8;
- Phòng thi hành án dân sự Khu vực 8, tỉnh Quảng Trị;
- UBND phường Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu VT; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hải Yến